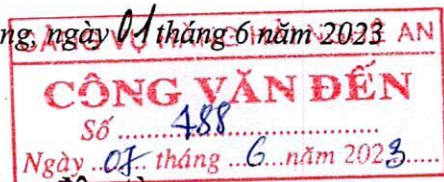


BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 138/2023/TBHH-TCTBĐATHHMB

Hải Phòng, ngày 07 tháng 6 năm 2023 AN



- K/c PGD Thanh
phụ trợ TTAT/AN
Đai điều
Website Lami

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của vùng quay tàu, vùng đậu tàu
Khu bến số 1 thuộc Khu bến cảng Vissai - Nghệ An

NAN-08-2023

07/06/2023
6

Vùng biển : Nghệ An

Tên luồng : Luồng vào Khu bến số 1 thuộc Khu bến cảng Vissai - Nghệ An

Căn cứ Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải số 251/CV-VIS.SL ngày 31/5/2023 của Công ty Cổ phần xi măng Sông Lam;

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc thông báo về thông số kỹ thuật của vùng quay tàu, vùng đậu tàu Khu bến số 1 thuộc Bến cảng Vissai - Nghệ An, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ như sau:

1. Vùng quay tàu

Trong phạm vi vùng quay tàu được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 185m, tâm O tại vị trí có tọa độ:

Hệ VN2000		Hệ WGS84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
18°51'13.6"	105°42'40.4"	18°51'10.0"	105°42'47.1"

Độ sâu đạt: 10.2m (mười mét hai).

2. Vùng đậu tàu

2.1. Cầu cảng số 1

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-1.1	18°51'03.9"	105°42'35.4"	18°51'00.3"	105°42'42.1"
F	18°51'01.3"	105°42'37.0"	18°50'57.8"	105°42'43.7"
B-1.2	18°51'04.1"	105°42'41.9"	18°51'00.5"	105°42'48.7"

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-1.2	18°51'06.6"	105°42'40.4"	18°51'03.0"	105°42'47.1"

Độ sâu đạt: 11.6m (mười một mét sáu)

2.2. Cầu cảng số 2

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-1.2	18°51'06.6"	105°42'40.4"	18°51'03.0"	105°42'47.1"
B-1.2	18°51'04.1"	105°42'41.9"	18°51'00.5"	105°42'48.7"
B-2.3	18°51'06.8"	105°42'46.9"	18°51'03.2"	105°42'53.6"
N-2.3	18°51'09.3"	105°42'45.4"	18°51'05.8"	105°42'52.1"

Độ sâu đạt: 11.6m (mười một mét sáu)

2.3. Cầu cảng số 3

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-2.3	18°51'09.3"	105°42'45.4"	18°51'05.8"	105°42'52.1"
B-2.3	18°51'06.8"	105°42'46.9"	18°51'03.2"	105°42'53.6"
E'	18°51'09.5"	105°42'51.9"	18°51'05.9"	105°42'58.6"
KN-6	18°51'09.7"	105°42'52.2"	18°51'06.1"	105°42'58.9"
KN-5	18°51'12.2"	105°42'50.6"	18°51'08.6"	105°42'57.4"

Độ sâu đạt: 11.6m (mười một mét sáu)

2.4. Cầu cảng số 4

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-4.5	18°51'08.2"	105°42'36.4"	18°51'04.6"	105°42'43.1"
B-4.5	18°51'06.7"	105°42'33.7"	18°51'03.1"	105°42'40.4"
G	18°51'02.2"	105°42'36.5"	18°50'58.6"	105°42'43.2"

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-1.4	18°51'03.6"	105°42'39.1"	18°51'00.1"	105°42'45.8"

Độ sâu đạt: 11.6m (mười một mét sáu)

2.5. Cầu cảng số 5

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-5.6	18°51'12.7"	105°42'33.7"	18°51'09.1"	105°42'40.4"
B-5.6	18°51'11.2"	105°42'31.0"	18°51'07.6"	105°42'37.7"
B-4.5	18°51'06.7"	105°42'33.7"	18°51'03.1"	105°42'40.4"
N-4.5	18°51'08.2"	105°42'36.4"	18°51'04.6"	105°42'43.1"

Độ sâu đạt: 11.6m (mười một mét sáu)

2.6. Cầu cảng số 6

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N-6.7	18°51'17.2"	105°42'30.9"	18°51'13.6"	105°42'37.6"
H	18°51'15.7"	105°42'28.3"	18°51'12.1"	105°42'35.0"
B-5.6	18°51'11.2"	105°42'31.0"	18°51'07.6"	105°42'37.7"
N-5.6	18°51'12.7"	105°42'33.7"	18°51'09.1"	105°42'40.4"

Độ sâu đạt: 11.6m (mười một mét sáu)

2.7. Cầu cảng số 7

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
KN-2'	18°51'20.0"	105°42'40.2"	18°51'16.4"	105°42'46.9"
KN-1'	18°51'21.1"	105°42'36.0"	18°51'17.5"	105°42'42.7"
N	18°51'19.8"	105°42'33.7"	18°51'16.2"	105°42'40.4"

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
M	18°51'17.2"	105°42'28.9"	18°51'13.6"	105°42'35.6"
KN9	18°51'16.9"	105°42'28.3"	18°51'13.3"	105°42'35.1"
KN8	18°51'16.6"	105°42'28.5"	18°51'13.0"	105°42'35.2"
KN7	18°51'16.3"	105°42'27.9"	18°51'12.7"	105°42'34.6"
B-6.7	18°51'14.0"	105°42'29.3"	18°51'10.4"	105°42'36.0"

Độ sâu đạt: 11.6m (mười một mét sáu)

Ghi chú: - Hải đồ cần cập nhật: VN50014, V14N0014;

- Truy cập bản tin Thông báo hàng hải điện tử tại địa chỉ <http://www.vms-north.vn>



Nơi nhận:

- Bộ GTVT;
- Cục Hàng hải Việt Nam (kèm theo bình đồ);
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
- Bộ tư lệnh Hải quân;
- Bộ tư lệnh Cảnh sát biển;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:
 - + Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí VIETSOVPETRO (VSP);
 - + Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC);
 - + Công ty Cổ phần Vận tải khí Quốc tế (GAS SHIPPING);
- Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam;
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Hiệp hội Cảng biển Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Nghệ An (kèm theo bình đồ);
- Cảng Nghệ Tĩnh;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam (để thông báo trên đài duyên hải);
- Phòng Cảnh sát thủy-Công an Nghệ An;
- Đại lý hàng hải Hải Phòng (VOSA HP);
- Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO);
- Công ty Vận tải biển III (VINASHIP);
- Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO);
- Công ty Vận tải biển container Vinalines (VCSC);
- Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC);
- Công ty Cổ phần hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE);
- Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế (INLACO SAIGON);
- Công ty Cổ phần Hàng hải Vinalines Nha Trang;
- Công ty Vận tải và cung ứng xăng dầu đường biển;
- Công ty Vận tải biển Hà Nội;
- Công ty Vận tải biển Sài Gòn;
- Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (VITRANSCHART);
- Công ty Vận tải và thuê tàu VIETFRACH (Hải Phòng);
- Công ty Vận tải thủy Bắc;
- Công ty Cổ phần đại lý vận tải SAFI (HP);
- Công ty Cổ phần công nghiệp tàu thủy Hoàng Linh;
- Công ty Vận tải xăng dầu VITACO;

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phúc Chính

- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam;
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc:
 - + Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VI (kèm theo bình đồ);
 - + BĐATHH Bắc Trung Bộ;
 - + Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc;
 - + Phòng KTKH, HTQT;
 - + Lưu VP, BĐATHH.

